

BÁO CÁO
Quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Thực hiện các Thông tư của Bộ GDĐT: số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC); số 09/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non; số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

UBND xã tổng hợp, báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD-XMC năm 2025, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát đặc điểm về địa lý, kinh tế - xã hội

- Mường Tùng là xã đặc biệt khó khăn, thuộc chương trình 135. Cách trung tâm tỉnh 80km về phía bắc, phía Đông giáp xã Pa Ham, phía Bắc giáp phường Mường Lay, phía Tây giáp xã Chà Tở và Tây Nam giáp xã Na Sang, xã có quốc lộ 12 đi qua đây là con đường huyết mạch kết nối 2 tỉnh Điện Biên và Lai Châu, là điều kiện và cơ hội rất lớn để phát triển kinh tế. Xã có 18 thôn bản, diện tích tự nhiên 27.893,97ha. Xã hiện có 18 bản, với dân số trên 1.724 hộ, trên 9.600 nhân khẩu, gồm 4 dân tộc, trong đó: Mông chiếm 75%, Thái chiếm 23%, Kinh chiếm 1,6%, Hoa (Xạ phang) chiếm 0,4%, chính trị xã hội tương đối ổn định.

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tương đối ổn định, thu nhập bình quân/đầu người còn thấp, kinh tế mũi nhọn là nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm, xu hướng phát triển kinh tế chủ yếu là Nông – Lâm kết hợp. An ninh quốc phòng trật tự xã hội khá tốt.

- Tình hình phát triển giáo dục: Công tác giáo dục của xã được duy trì ổn định, quy mô trường lớp được đảm bảo và giữ vững, chất lượng giáo dục được nâng lên, năm sau cao hơn năm trước. *Tính đến năm học 2025-2026 xã có 5/6 trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1. (còn 1 trường mầm non chưa đạt)*

2. Thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Tùng thường xuyên quan tâm đến sự nghiệp Giáo dục, nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

- Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo sát xao về chuyên môn, đặc biệt là công tác phổ cập giáo dục – xóa mù chữ.

- Các ban, ngành, đoàn thể, các hội của xã luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà trường trong việc huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Là một xã có địa bàn khá rộng, dân cư ở không tập trung, nhưng mạng lưới trường lớp được mở rộng tới các bản xa trung tâm, tạo điều kiện cho các em học sinh nhỏ tuổi theo học đảm bảo đúng độ tuổi, đội ngũ giáo viên được đảm bảo về số lượng và chất lượng.

- Đảng ủy, HĐND, UBND quan tâm đến công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng làng bản văn hóa, luôn quan tâm đến sự phát triển toàn diện đặc biệt là văn hóa và giáo dục.

b) Khó khăn

- Kinh tế còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo còn cao chiếm tỉ lệ cao: 35,03%.

- Một bộ phận dân cư có tập quán sinh sống còn lạc hậu, chủ yếu là lệ thuộc vào tự nhiên, hiện tượng tảo hôn vẫn còn.

- Một số gia đình chưa quan tâm chu đáo đến việc học tập của con em.

- Giao thông đi lại trên địa bàn xã gặp rất nhiều khó khăn, một số bản xa trung tâm xã (Các bản Púng Trạng, Đán Đanh, Nậm Chua,...).

- Cơ sở vật chất của các đơn vị trường học còn nhiều khó khăn đặc biệt các trường Mầm non và Tiểu học.

- Cán bộ làm công tác phổ cập chỉ là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ làm phổ cập do đó gặp không ít khó khăn trong công tác PCGD - XMC.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PCGD-XMC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Trong quá trình thực hiện công tác PCGD-XMC. Ban chỉ đạo của xã Mường Tùng luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt là Sở Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Tùng về công tác phổ cập gồm: các chỉ thị, kế hoạch, các quyết định, các báo cáo,... được ban hành kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phổ cập giáo dục của xã.

- Ngay từ những ngày đầu đi vào vận hành chính quyền địa phương hai cấp dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Tùng Ban chỉ đạo công tác PCGD-XMC của xã Mường Tùng được kiện toàn.

- BCD phân công trách nhiệm các thành viên trong BCD, các phòng, ban tổ chức đoàn thể của xã như: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, hội Nông dân, phòng Văn hóa – Xã hội,... và các trưởng bản trong xã thường xuyên phối hợp với các nhà trường làm tốt công tác vận động nhân dân tham gia vào công tác Phổ cập giáo dục, vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi và duy trì sĩ số học sinh. BCD tích cực tham mưu cho UBND xã làm văn bản đề nghị Trung tâm GDTX và GDNN khu vực mở các lớp nghề cho học viên thuộc đối tượng PCGD của xã không có điều kiện theo học các lớp THPT.

- Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp được thực hiện thường xuyên đảm bảo công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã được giữ vững. Hàng năm, Ban Chỉ đạo PCGD-XMC xã đã tự kiểm tra các tiêu chí đạt chuẩn, duy trì đạt chuẩn PCGD-XMC của xã.

2. Kết quả thực hiện PCGD-XMC năm 2025

2.1. Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh, tỉ lệ huy động trẻ ra lớp

- Tổng số có 6 trường mầm non, tiểu học, THCS và ; 120 lớp; 3217 học sinh. Trong đó:

- Giáo dục mầm non: 02 trường, 18 điểm trường (gồm điểm trường trung tâm và điểm trường lẻ) có trẻ 5 tuổi đang học. Tổng số 50 nhóm/lớp (riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 23 lớp, trong đó có 21 lớp ghép và 02 lớp đơn). Tổng số 1217 trẻ em trong độ tuổi được học tại các cơ sở giáo dục mầm non. Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 68,8 %. Tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 100 %. Riêng huy động trẻ 5 tuổi ra lớp để thực hiện PCGD là 253/253 trẻ, tỉ lệ 100 %. Tỉ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non đạt 100% (1/1 trẻ).

- Giáo dục Tiểu học: 03 trường (02 trường tiểu học, 01 trường tiểu học và THCS) 49 lớp và 1.184 học sinh. Tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 100%.

- Giáo dục THCS: 2 trường (1 trường Tiểu học và THCS, 1 trường THCS), 21 lớp và 816 học sinh. Tỉ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm qua vào học lớp 6 đạt 98,7% ; tỉ lệ huy động trẻ 11 tuổi vào lớp 6 đạt 97,8% (2 học sinh đang học tiểu học); tỉ lệ huy động trẻ 11-14 tuổi học THCS đạt 98,5%.

- Tính đến tháng 9/2025: Có 5/6 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 83,3%. Trong đó: Mầm non 1/2 trường, tỉ lệ 50%; Tiểu học 2/2 trường, tỉ lệ 100%; THCS 2/2 trường, tỉ lệ 100%.

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

a) Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 239 người (18 cán bộ quản

lý, 200 giáo viên, 21 nhân viên). Chia ra:

- Giáo dục mầm non: Tổng số 93 người (06 cán bộ quản lý, 81 giáo viên, 06 nhân viên). Tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi 37 người, đủ so với quy định; tỉ lệ 1,61 giáo viên/lớp mẫu giáo 5 tuổi; giáo viên dạy lớp 5 tuổi có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên tỉ lệ 100%. Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên là 37/37 người, tỉ lệ 100%. 100% giáo viên được đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp được xếp loại từ đạt trở lên. 100% giáo viên được hưởng đúng, đủ các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

- Giáo dục tiểu học: Tổng số 85 người 07 cán bộ quản lý, 72 giáo viên, 06 nhân viên); tỉ lệ 1,47 giáo viên/lớp. Trong đó: 72/72 giáo viên có trình độ đại học, trên đại học tỉ lệ 100%; 0 giáo viên có trình độ cao đẳng tỉ lệ 0 %; 0 có trình độ THSP tỉ lệ 0 %; 72/72 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên , tỉ lệ 100%.

- Giáo dục THCS: Tổng số 61 người (5 cán bộ quản lý, 47 giáo viên (trong đó có 2 giáo viên kiêm tổng phụ trách đội) 9 nhân viên); tỉ lệ 2,24 giáo viên/lớp. Trong đó: giáo viên có trình độ trên đại học 0 , tỉ lệ 0 %; 47/47 giáo viên có trình độ đại học, tỉ lệ 100 %; 0 giáo viên có trình cao đẳng, tỉ lệ 0%. 47/47 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên , tỉ lệ 100%.

- Công tác bồi dưỡng giáo viên: Giáo viên được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI),... đáp ứng theo yêu cầu chương trình phổ thông 2018.

2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

a) Về cơ sở vật chất

- Giáo dục mầm non: Tổng số 50 phòng học, phòng sinh hoạt chung. Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 23 phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), tỉ lệ 1 phòng học/lớp (trong đó: 16 phòng kiên cố, tỉ lệ 69,5 %; 07 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 30,5 %); diện tích bình quân phòng sinh hoạt chung đối với phòng kiên cố khoảng 45m²/phòng, đối với phòng bán kiên cố khoảng 36 m²/phòng; 23/23 phòng học, phòng sinh hoạt chung đảm bảo điều kiện về ánh sáng, ẩm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có trẻ 5 tuổi có sân chơi xanh, sạch, đẹp và có đủ nước sạch sử dụng, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, an toàn 18/18 điểm trường. 100% các điểm trường trẻ 5 tuổi học có đủ nhà vệ sinh, tổng số phòng hoặc khu vệ sinh (23/23 phòng/khu vệ sinh). Tổng số bếp nấu ăn cho trẻ 14 bếp. Tổng số công trình nước sinh hoạt tại các điểm trường có trẻ 5 tuổi học 23 công trình.

- Giáo dục tiểu học: 49 phòng học. Trong đó: 28 phòng học kiên cố, tỉ lệ 57,14%; 21 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 42,86%; 0 phòng học tạm, tỉ lệ 0%; 0 phòng học mượn, tỉ lệ 0%. Xã có 02 phòng làm việc của hiệu trưởng, có 04 phòng làm việc của phó hiệu trưởng/3 trường; có 03 văn phòng, 03 phòng họp cho giáo viên và nhân viên; có 03 phòng y tế; có 03 phòng truyền thống và hoạt động Đội; có 03 thư viện, có 03 phòng thiết bị.

- Giáo dục THCS: 21 phòng học. Trong đó: 18 phòng học kiên cố, tỉ lệ 85,7%; 3 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 14,3%; 2 phòng làm việc của hiệu trưởng,

3 phòng phó hiệu trưởng; 2 phòng văn phòng, 2 phòng họp cho giáo viên và nhân viên; 2 phòng y tế; 2 thư viện, 7 phòng học bộ môn.

b) Về thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi

- Giáo dục mầm non: 23/23 lớp trẻ 5 tuổi có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định. Tổng số sân chơi có đồ chơi được sử dụng thường xuyên 23/23 sân. Các trường mầm non có phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, đồng thời tích cực huy động phụ huynh tham gia làm đồ chơi ngoài trời cho trẻ ở các điểm trường lẻ và huy động các tổ chức, cá nhân ủng hộ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ sử dụng, góp phần tạo môi trường giáo dục phong phú về cơ hội học tập, thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

- Giáo dục tiểu học: 100% trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Có 03 trường, 12 điểm trường lẻ có sân chơi, bãi tập an toàn với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, học sinh, giáo viên, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện. Các trường tiểu học tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình xóa mù chữ.

- Giáo dục THCS: 100% trường đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; có đủ sân chơi bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn, môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

2.4. Công tác huy động, duy trì sĩ số và các biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh

a) Công tác huy động, duy trì sĩ số học sinh

Các trường trong địa bàn xã đã tham mưu cho UBND xã thành lập ban vận động học sinh ra lớp của xã với thành phần là lãnh đạo UBND, cán bộ xã, BGH và giáo viên các đơn vị trường trong xã.

Căn cứ kế hoạch PCGD-XMC của UBND xã, các nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh; phối hợp các lực lượng tổ chức tuyên truyền, huy động tối đa số trẻ trong các độ tuổi ra lớp; tập trung rà soát số liệu và các tiêu chí PCGD-XMC, tích cực huy động học sinh bỏ học đi học trở lại, xây dựng kế hoạch mở các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

Các nhà trường tích cực huy động tối đa đối tượng trong độ tuổi phổ cập ra lớp; duy trì tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần, giảm tỉ lệ học sinh bỏ học. Tăng cường các hoạt động phong trào, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao... nhằm thu hút học sinh đến trường.

Chỉ đạo BGH các nhà trường thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình, quy chế chuyên môn, tình hình huy động và duy trì số lượng học sinh đi học chuyên cần của các cơ sở giáo dục.

Ban Chỉ đạo PCGD-XMC xã phân công các thành viên phụ trách các thôn, bản chịu trách nhiệm vận động, huy động học sinh đi học. Các trường bản phụ

trách đến từng hộ gia đình tuyên truyền, vận động và duy trì sĩ số; xây dựng và thực hiện hương ước thôn, bản về trách nhiệm cho con em đi học, không bỏ học giữa chừng. Căn cứ vào số liệu điều tra của từng bản, căn cứ vào số lượng học sinh ra lớp các nhà trường đã cử giáo viên cùng phối hợp với các ban ngành đoàn thể và ở xã đến từng gia đình vận động học sinh trong độ tuổi ra lớp đảm bảo đủ và vượt các tiêu chí Phổ cập.

b) Các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục học sinh

- Giáo dục mầm non: Huy động 100% trẻ em 5 tuổi đi học, 100% trẻ 5 tuổi đến trường được học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành và được đánh giá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Lồng ghép tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng Steam, duy trì 100% trẻ được ăn bán trú tại trường, huy động cha mẹ trẻ thay phiên nấu ăn cho trẻ ở một số điểm trường lẻ; huy động các tổ chức thiện nguyện hỗ trợ kinh phí tổ chức hỗ trợ thêm mức tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo nhằm tăng tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi. Từng bước nâng cao số lượng tỷ lệ giáo viên/lớp và chất lượng đội ngũ giáo viên dạy các lớp 5 tuổi đặc biệt là ở các điểm trường lẻ.

Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng, các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo PCGD-XMC để thực hiện các giải pháp đảm bảo nâng cao các điều kiện duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT trong công tác huy động trẻ ra lớp và đi học chuyên cần; khám sức khỏe và theo dõi sức khỏe cho trẻ; theo dõi sự biến động của dân số trong độ tuổi; giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; thực hiện các chính sách cho đội ngũ nhà giáo và trẻ em; thực hiện công tác truyền thông...

Đẩy mạnh công tác rà soát, sắp xếp, quy hoạch, củng cố quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với kế hoạch phát triển của địa phương; tăng cường các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi.

Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch thực hiện Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non vùng dân tộc thiểu số với các nội dung cụ thể là: Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non về tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ người dân tộc thiểu số theo quy định; nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một. Tiếp tục triển khai mô hình “*Thư viện thân thiện cho bé*”.

- Giáo dục phổ thông: Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, tôn tạo cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp

an toàn và thân thiện. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia, tạo môi trường tốt nhất để nâng cao chất lượng giáo dục. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà trường, giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục; tăng cường củng cố kỷ cương, nề nếp trường học; tập trung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các cấp học, môn học. Tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất học sinh bảo đảm khách quan, trung thực và công bằng. Tiếp tục tổ chức dạy 2 buổi/ngày; giáo dục đạo đức và giá trị sống, giáo dục kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; quyền con người; hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, tổ chức dạy học tiếng việt cho trẻ trước khi vào lớp 1; nâng cao chất lượng giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp; chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của học sinh đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Công tác xóa mù chữ: Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Xóa mù chữ và Thông tư số 10/2022/TT-BGDĐT ngày 12/7/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ. Ưu tiên bố trí đủ về số lượng giáo viên thực hiện nhiệm vụ xóa mù chữ ở các bản vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn; hướng dẫn tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo nâng cao tỉ lệ và chất lượng xóa mù chữ; tổ chức các lớp học xóa mù chữ linh hoạt về thời gian, địa điểm, phù hợp với tập quán sinh hoạt của đồng bào dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên theo học đảm bảo số lượng và chất lượng. Ký kết và thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn xã.

- Kết quả mở lớp XMC: Năm học 2024 - 2025 xã có 2 lớp Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ. (PTDTBT TH Huổi Lèng, PTDTBT TH Nậm He) với 40 học viên, kết thúc năm học 40 học viên đều được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình.

3. Kinh phí thực hiện công tác PCGD-XMC

a) Kinh phí hỗ trợ từ chương trình mục tiêu quốc gia

- Kinh phí chi giảng dạy, mua sách giáo khoa, thiết bị dạy học: được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm.

- Kinh phí chi in hồ sơ, công tác điều tra: được lấy từ nguồn ngân sách cấp hàng năm.

b) Kinh phí từ xã hội hóa giáo dục

Toàn xã huy động được hơn 200 ngày công lao động phục vụ công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ.

4. Công tác xã hội hóa giáo dục

- Cùng với các nhà trường, các tổ chức chính trị- xã hội, các đoàn thể, các hội của xã Mường Tùng, đặc biệt Các nhà doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trên địa bàn tham gia hỗ trợ về vật liệu xây dựng, công vận chuyên, công kỹ thuật và bằng tiền mặt ủng hộ các nhà trường trong quá trình xây dựng trường lớp cụ thể:

- Cấp Mầm non: Kết quả huy động các nguồn lực đầu tư từ xã hội, cộng đồng cho phát triển GDMN tổng 1.468.481.000đ (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn đồng). Trong đó: Trường MN Mường Tùng tiếp nhận nguồn tài trợ tương ứng với tổng số tiền là 417.481.000đ. Của Ban quản lý dự án Thủy Điện Mường Tùng xây 01 phòng học tại điểm trường Huổi Chá trị giá 182.481.000đ. Nhóm thiện nguyện Câu Lạc bộ Kết nối yêu thương Hà Nội tặng quà bằng hiện vật trị giá 120.000.000 triệu đồng. Nhóm thiện nguyện Hoa phượng Hải Phòng (gồm chăn, gối, cốc uống nước, bát ăn cơm, trị giá 45.000.000đ. Nhóm thiện nguyện công ty cổ phần Đầu tư và phát triển SAKY CORPORATION – Hà Nội (gồm Áo ấm, dép tổ ong, Chăn ấm, ba lô trị giá 70.000.000đ. Trường Mầm non Huổi Lèng tiếp nhận nguồn tài trợ tương ứng với tổng số tiền: 1.051.000.000đ (Một tỷ, không trăm năm mươi một triệu đồng) Trong đó: Trung tâm nguồn lực tình nguyện Việt Nam tỉnh Điện Biên, tỉnh Đoàn tỉnh Điện Biên kết nối tài trợ xây dựng 3 phòng học, 02 phòng vệ sinh, 01 phòng công vụ tại 02 điểm trường Nậm Chua và Ca Dính Nhè trị giá 770.000.000đ. Hội từ thiện Hạt Phù Sa Thành phố HCM và Đoàn từ thiện Tiếp sức cho con tài trợ xây dựng 01 lớp học, 01 phòng vệ sinh, 01 bếp nấu ăn trị giá 267.000.000đ. Nhóm thiện nguyện Bình Dương tặng 120 áo ấm, 20 chăn, 150 đôi dép cho HS điểm trường Ma Lù Thàng 1 và Ma Lù Thàng 3 trị giá 14.000.000đ.

- Cấp Tiểu học: Huy động được hơn 500 ngày công lao động tương ứng với số tiền hơn 75.000.000đ. Trường PTDTBT TH Nậm He được các nhà hảo tâm ủng hộ vật chất (Áo ấm, giếng khoan, Máy tính, Mũ bảo hiểm,..) với tổng giá trị 131.321000đ. Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng đã được Chương trình Phát triển vùng Mường Chà hỗ trợ cho các em học sinh bán trú 209 chiếc chăn trị giá 40.000.000đ và hỗ trợ vật liệu để làm tường rào sắt tại điểm trường trung tâm trị giá 42.410.000đ; Tập đoàn FPT trao tặng 3 máy tính cây trị giá 9.000.000; Hội khuyến học thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ 24 bộ sách giáo khoa và vở viết cho các em học sinh trị giá 6.198.000đ.

- Cấp THCS : Huy động được 420 ngày công lao động tương ứng với số tiền 63.000.000đ. Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Mường Tùng được các nhà hảo tâm tặng 300 chiếc áo đồng phục, trường PDTBT THCS Huổi Lèng được các nhà hảo tâm tài trợ 600 bộ quần áo đồng phục, 20 chiếc xe đạp cho các em học sinh.

5. Kết quả PCGD-XMC năm 2025

a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Số trẻ 5 tuổi ra lớp: 253/253 trẻ, tỉ lệ 100 %.

- Tổng số trẻ 5 tuổi được đánh giá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 250/250 trẻ, tỉ lệ 100%.

- Tỷ lệ trẻ khuyết tật có khả năng học tập được học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non: 1/1 trẻ, tỷ lệ 100%.

Xã duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT

b) Phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi phải phổ cập đi học lớp 1: 250/250, tỷ lệ 100%.

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 225/227, tỷ lệ 99,1%. Số trẻ 11 tuổi đang học tiểu học: 2/227, tỷ lệ 0,9%.

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 6 -11 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 14/14 ; tỷ lệ: 100%.

- Xã duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

c) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS: 598/618, tỷ lệ 96,6%.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp: 465/618, tỷ lệ 75,2%.

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 14/15 ; tỷ lệ: 93,3%.

- Xã duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

c) Công tác xóa mù chữ

- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 5299/5390 người, tỷ lệ 98,3%; Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 3277/3285 người, tỷ lệ 99,8 %.

- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 4758/5390 người, tỷ lệ 88,3 %. Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 3264/3285 người, tỷ lệ 99,4%.

- Xã duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

6. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

Nhận thức về giáo dục của toàn xã hội được nâng lên. Các cấp ủy, chính quyền và nhân dân đánh giá cao vai trò của giáo dục đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhân dân các dân tộc quan tâm hơn đến quyền lợi và nghĩa vụ học tập của con em; tự giác và tạo điều kiện cho con em đến trường, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục. Các Ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể thành viên Ban Chỉ đạo PCGD-XMC cấp xã tích cực chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch PCGD-XMC; đặc biệt là công tác xóa mù chữ ở các bản đặc biệt khó khăn tiếp tục được quan tâm củng cố, tỷ lệ người biết chữ trong các độ tuổi được nâng lên. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên là lực

lượng nông cốt làm tốt công tác tham mưu với Ban Chỉ đạo các cấp và triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Quy mô trường, lớp, học sinh tiếp tục phát triển bền vững; chất lượng và hiệu quả giáo dục từng bước được nâng lên; các bản vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn có đủ trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc, làm thay đổi rõ rệt trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực của xã. Các nhà trường thực sự trở thành “Trung tâm chính trị, giáo dục, văn hoá” ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Hệ thống các trường phổ thông dân tộc bán trú là mô hình trường thích hợp và hiệu quả đối với giáo dục vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục toàn diện và thực hiện PCGD-XMC.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản đảm bảo cả về số lượng và chất lượng; cơ cấu bộ môn đồng bộ, hợp lý hơn. Cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ dùng đồ chơi được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng các điều kiện tối thiểu để thực hiện đổi mới chương trình giáo dục các cấp học, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh.

Công tác xã hội hoá giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh; vai trò, vị trí của giáo dục được coi trọng hơn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các hoạt động ủng hộ về tinh thần, vật chất, sự tham gia của xã hội vào sự nghiệp giáo dục ngày càng được đẩy mạnh và có hiệu quả.

Đảm bảo các chỉ số chuẩn phổ cập theo quy định

b) Hạn chế

Các tiêu chí đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 chưa cao (đặc biệt tiêu chí TTN 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đi học THPT hoặc tương đương), Tỷ lệ người độ tuổi 15-16 biết chữ mức độ 2 còn thấp. Do hủ tục tảo hôn nên vẫn có học sinh trong độ tuổi 15-18 bỏ học để lấy chồng.

Chất lượng học tập của học sinh ở một số điểm trường xa trung tâm chuyển biến còn chậm; tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần ở một số thời điểm trong năm còn cao.

Cơ sở vật chất ở một số điểm trường còn khó khăn, chưa đủ các hạng mục phụ trợ, phòng ở cho giáo viên và học sinh nội trú; một số bản thiếu nước sử dụng vào mùa khô.

c) Nguyên nhân

Địa bàn của xã rộng, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt là giao thông đến các điểm trường lẻ; dân cư sống phân tán, xa trung tâm xã, xa trường học, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống nhân dân các dân tộc còn ở mức thấp; hiện tượng tảo hôn, di cư tự do, ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động trẻ đi học, duy trì số lượng học sinh, chất lượng chăm sóc và giáo dục.

Học sinh trong độ tuổi PCGD THCS là lực lượng lao động chính trong gia đình nên một bộ phận học sinh ngoài giờ học còn phải lao động trợ giúp gia đình, thời gian dành cho việc học chưa nhiều ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục; đối tượng trong độ tuổi 15-18 sau khi hoàn thành chương trình THCS không vào học

chương trình THPT và tương đương mà đi lao động tự do tại các tỉnh ngoài nhiều dẫn đến khó khăn trong việc huy động ra học chương trình GDTX cấp THPT và giáo dục nghề nghiệp.

Việc huy động người mù chữ ra lớp và duy trì sĩ số học viên gặp khó khăn do người học là nhân lực lao động chính trong gia đình, số lượng người học trong các bản ít và khoảng cách giữa các bản xa nhau; thời gian học phụ thuộc vào mùa vụ, thời tiết và một số phong tục, tập quán của người dân.

Kinh phí chi cho công tác mở lớp xóa mù chữ từ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới hạn hẹp; xã chưa có cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ cho công tác xóa mù chữ.

Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo còn thấp, chủ yếu mới đủ chi trả lương và các khoản chi cho con người; kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PCGD-XMC NĂM 2026

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo; triển khai thực hiện đổi mới Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn xã Mường Tùng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Mường Tùng lần thứ I.

Phát triển quy mô trường, lớp đáp ứng đủ nhu cầu học tập của nhân dân; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu bộ môn, bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất học sinh;

Thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới sửa đổi, bổ sung; tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô và đổi mới giáo dục và đào tạo. Huy động tối đa đối tượng trong các độ tuổi phải phổ cập đến trường ra lớp; tiếp tục duy trì, giữ vững, từng bước nâng cao chất lượng PCGD-XMC.

Củng cố vững chắc và phát huy thành quả của phổ cập giáo dục – xóa mù chữ năm 2025. Nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS theo học các lớp THPT, GDTX và giáo dục nghề nghiệp.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch và tổ chức mở lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ nhằm duy trì, củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 2, nâng cao tỉ lệ người biết chữ mức độ 2 trong độ tuổi 15-60.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì và giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tổng số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 253/253, đạt tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 5 tuổi ra lớp/tổng số dân số 5 tuổi 261/261, đạt tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN là 261/261 đạt, tỷ lệ 100%.
- Số trẻ 5 tuổi dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt: 260/260 tỷ lệ 100%
- Tổng số trẻ khuyết tật có khả năng học hòa nhập 3/3, đạt 100%.

b) Giáo dục Tiểu học

Tiếp tục duy trì chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3:

- Số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 253/253, tỉ lệ: 100%
- Số trẻ 6-10 tuổi ra lớp 1224/1224, tỉ lệ 100%.
- Số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học tiểu học: 228/228, tỉ lệ : 100%; trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học: 0, tỉ lệ : 0%.
- Số trẻ khuyết tật 6-11 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 11/11, tỉ lệ 100%.

c) Giáo dục THCS

Tiếp tục duy trì Tiêu chuẩn PCGD THCS Mức độ 3.

- Số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6 (cả 2 hệ): 230/230, tỉ lệ 100%. Tổng số trẻ 11-14 tuổi học THCS 848/856, tỉ lệ 99,07%.
- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS năm 659/670, tỉ lệ 97,61%.
- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT và tương đương 510/670, tỉ lệ 76,1%.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 18/19; tỉ lệ: 94,7%.

d) Xóa mù chữ

Tiếp tục duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 5450/5535 người, tỉ lệ 98,5%; Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 304/3312 người, tỉ lệ 99,8 %.
- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 4935/5535 người, tỉ lệ 89,2 %. -Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 3294/3312 người, tỉ lệ 99,5%.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo PCGD-XMC; nâng cao năng lực, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Đưa nội dung, kế hoạch PCGD-XMC vào chương trình công tác. Đẩy mạnh hoạt động của Ban Chỉ đạo PCGD-XMC; tăng cường sự phối hợp giữa các ban, ngành trong việc thực hiện các mục tiêu PCGD-XMC. Tổng kết đánh giá kết quả PCGD-XMC giai đoạn 2021-2025. Xây dựng kế hoạch và triển khai và thực hiện công tác PCGD-XMC giai đoạn 2026-2030 định hướng 2035 ; mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2026.

2.2. Tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác PCGD-XMC

Đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền hệ thống các văn bản, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về giáo dục đào tạo và PCGD-XMC góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất trong hành động của hệ thống chính trị và nhân dân góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, huy động học sinh ra lớp. Tổ chức tuyên truyền về phong trào xây dựng xã hội học tập, đơn vị học tập, dòng họ học tập,.. và tầm quan trọng của việc biết chữ đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2.3. Đối với Ngành Giáo dục

Tích cực tham mưu có hiệu quả với cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo PCGD-XMC xã thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp, làm tốt công tác phối hợp với các lực lượng để huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, giảm tỉ lệ học sinh bỏ học, học sinh đi học không chuyên cần và nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách của nhà nước hỗ trợ đối với giáo viên và học sinh.

Tập trung chỉ đạo xây dựng nền nếp, kỷ cương trường học; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà trường, tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục. Nâng cao chất lượng thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non”; đặc biệt chú trọng tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, giáo dục tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh phòng dịch bệnh, đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, đảm bảo thực hiện Quyền trẻ em.

Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá; dạy học phù hợp đối tượng học sinh; chú trọng giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho học sinh. nâng cao

chất lượng giáo dục học sinh; nâng cao chất lượng các hoạt động của mô hình trường nội trú, bán trú.

Thực hiện dạy học và đánh giá các lớp xóa mù chữ theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Xóa mù chữ và Thông tư số 10/2022/TT-BGDĐT ngày 12/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ. Tăng cường bồi dưỡng đổi mới về chương trình, tài liệu, phương pháp dạy học xóa mù chữ cho cán bộ, giáo viên trong và ngoài ngành Giáo dục tham gia dạy xóa mù chữ. Chú trọng bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên làm công tác xóa mù chữ.

Đổi mới công tác quản lý, tổ chức các lớp học xóa mù chữ phù hợp với từng nhóm đối tượng, tập quán sinh hoạt của đồng bào dân tộc. củng cố, phát triển trung tâm học tập cộng đồng xã, tổ chức các lớp xóa mù chữ và lớp học chuyên đề cho những người mới biết chữ nhằm củng cố kết quả biết chữ, hạn chế mù chữ trở lại; phối hợp tổ chức các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, các lớp học nghề truyền thống, nghề ngắn hạn cho những người mới biết chữ.

2.4. Tăng cường cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ. Triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, học sinh nội trú, bán trú; tiếp tục nâng cấp và bổ sung thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu dạy và học.

Triển khai thực hiện đảm bảo lộ trình nâng trình độ đào tạo của giáo viên; tiếp tục bổ sung cán bộ quản lý, giáo viên, nâng cao tỉ lệ giáo viên/lớp đối với cấp học mầm non; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý theo hướng chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu bộ môn; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, yên tâm công tác gắn bó với giáo dục vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

2.5. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người dạy, người học xóa mù chữ theo quy định

2.6. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục

Làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ, chính quyền, Ban Chỉ đạo PCGD-XMC; tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đối với các cơ quan đoàn thể trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Phát huy vai trò, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ PCGD-XMC.

Tăng cường mối quan hệ của các cơ sở giáo dục với các cơ quan, tổ chức xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn, huy động và tạo điều kiện để xã hội đóng góp xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng quỹ khuyến học, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh khó khăn vươn lên trong học tập.

Tập trung huy động các lực lượng xã hội tham gia dạy xóa mù chữ theo phương châm người biết chữ dạy người chưa biết chữ. Đẩy mạnh hoạt động tình nguyện dạy xóa mù chữ của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ; huy động cán bộ, chiến sĩ, tham gia dạy các lớp xóa mù chữ ở khu vực biên giới. Huy động các doanh nghiệp, các tổ chức, các nhà hảo tâm đóng góp kinh phí hỗ trợ cho người dạy và người học xóa mù chữ.

2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và Ban Chỉ đạo PCGD-XMC. Thường xuyên theo dõi sát tình hình huy động, duy trì số lượng, tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần để có các giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Tập trung kiểm tra, tư vấn giúp đỡ các nhà trường mà chỉ số đạt chuẩn PCGD-XMC còn ở mức thấp. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và thực hiện nhiệm vụ PCGD-XMC.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng các Ban, Ngành của tỉnh bổ sung giáo viên còn thiếu cho các nhà trường, ưu tiên kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng PCGD-XMC; Tiếp tục nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tăng cường chỉ đạo các trường THPT, các Trung tâm GDNN-GDTX huy động tốt số thanh thiếu niên đã tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, học nghề nhằm đảm bảo duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện và kết quả PCGD-XMC năm 2025 của UBND xã Mường Tùng. Kính mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (bc);
- Sở GDĐT (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Thắng